

**CÔNG TY CỔ PHẦN SANY HOLDING**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SANY HOLDING

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SANY HOLDING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: SANY HOLDING JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109835134

**3. Ngày thành lập:** 29/11/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Thọ Sơn, Thị Trấn Đại Nghĩa, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0904875089

Fax:

Email: [hangan86@gmail.com](mailto:hangan86@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4329     |
| 2.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4330     |
| 3.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(Trừ hoạt động đấu giá phụ tùng ô tô và xe có động cơ khác)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4530     |
| 4.  | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy<br>Chi tiết:<br>- Sửa chữa phần cơ, phần điện, hệ thống đánh lửa tự động;<br>- Bảo dưỡng thông thường;<br>- Sửa chữa khung, càng, yếm, yên đệm mô tô, xe máy;<br>- Sửa chữa các bộ phận khác của mô tô, xe máy;<br>- Rửa xe, đánh bóng, phun và sơn;<br>- Dịch vụ đổ nước xe, dán keo xe;<br>- Sửa chữa, bơm vá săm, lốp mô tô, xe máy, lắp đặt hoặc thay thế; - Xử lý chống gỉ;<br>- Thay phụ tùng và các bộ phận phụ trợ không thuộc công đoạn sản xuất. | 4542     |
| 5.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa;<br>- Môi giới mua bán hàng hóa<br>(không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4610     |
| 6.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Chi tiết: Bán buôn hạt, quả có dầu;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4620     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                 |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 7.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt, thủy sản, rau quả, cà phê, chè, đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột...                                                           | 4632 |
| 8.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                | 4633 |
| 9.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Buôn bán nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh                                                                                                                                                             | 4649 |
| 10. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                             | 4651 |
| 11. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                          | 4653 |
| 12. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                 | 4659 |
| 13. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                         | 4663 |
| 14. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại                                                                                  | 4669 |
| 15. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Không bao gồm tổ chức họp báo và hoạt động báo chí; Không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ, không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh) | 8230 |
| 16. | Dịch vụ đóng gói<br>(Trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật)                                                                                                                                                                                                        | 8292 |
| 17. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng do Công ty kinh doanh;                                                                                                                         | 8299 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 18. | <p>Giáo dục khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đào tạo kỹ năng quản lý;</li> <li>- Đào tạo kỹ năng lãnh đạo;</li> <li>- Đào tạo kỹ năng bán hàng;</li> <li>- Đào tạo kỹ năng tiếp thị;</li> <li>- Đào tạo kỹ năng thuyết trình trước công chúng;</li> <li>- Đào tạo nhân sự;</li> <li>- Đào tạo các kỹ năng cần thiết khác cho doanh nghiệp;</li> <li>- Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;</li> <li>- Các dịch vụ dạy kèm (gia sư);</li> <li>- Giáo dục dự bị;</li> <li>- Các trung tâm dạy học có các khóa học dành cho học sinh yếu kém;</li> <li>- Các khóa dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn;</li> <li>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại, sale và marketing;</li> <li>- Dạy đọc nhanh; Nhóm này cũng gồm:</li> <li>- Dạy lái xe cho những người không hành nghề lái xe;</li> <li>- Dạy bay;</li> <li>- Đào tạo tự vệ;</li> <li>- Đào tạo về sự sống;</li> <li>- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;</li> <li>- Dạy máy tính.</li> </ul> | 8559        |
| 19. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8560        |
| 20. | <p>Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu</p> <p>Loại trừ: “Các hoạt động thỏa thuận và giải quyết các giao dịch tài chính, bao gồm giao dịch thẻ tín dụng; Hoạt động tư vấn và môi giới thế chấp, Các dịch vụ ủy thác, giám sát trên cơ sở phí và hợp đồng”.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 6619        |
| 21. | <p>Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê</p> <p>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản theo Luật Kinh doanh bất động sản 2014</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 6810(Chính) |
| 22. | <p>Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất</p> <p>Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 6820        |
| 23. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7020        |
| 24. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7212        |
| 25. | <p>Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận</p> <p>(Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh theo qui định của pháp luật);</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7320        |
| 26. | <p>Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: Dịch vụ chuyển giao công nghệ</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7490        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 27. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                       | 4711 |
| 28. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                          | 4721 |
| 29. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                           | 4722 |
| 30. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);                                                                                                                                                                                       | 4723 |
| 31. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                                                                                                                                                                                                            | 0810 |
| 32. | Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1040 |
| 33. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                             | 1079 |
| 34. | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1811 |
| 35. | Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                     | 2821 |
| 36. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                           | 4781 |
| 37. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: Bán lẻ hàng gốm sứ, thủy tinh lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                | 4789 |
| 38. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết:<br>- Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng;<br>- Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng);<br>- Vận tải hàng hóa bằng xe có động cơ loại khác;<br>- Vận tải hàng hóa bằng xe thô sơ;<br>- Vận tải hàng hóa bằng phương tiện đường bộ khác. | 4933 |
| 39. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5210 |
| 40. | Xuất bản phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5820 |
| 41. | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 8110 |
| 42. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 3312 |
| 43. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4101 |
| 44. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4102 |
| 45. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4222 |
| 46. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(Không bao gồm việc cho nổ, dò bom, mìn và các loại tương tự)                                                                                                                                                                                                                         | 4312 |
| 47. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4321 |
| 48. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                     | 4741 |
| 49. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                       | 4752 |
| 50. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ kinh doanh dược phẩm)                                                                                               | 4772 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Thời gian đăng từ ngày 29/11/2021 đến ngày 29/12/2021

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán: 100.000**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông           | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                   | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN THỊ<br>HÀ NGÂN | Số 195 Phố Vũ<br>Hữu, Phường<br>Thanh Xuân Bắc,<br>Quận Thanh<br>Xuân, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam                 | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 10.000        | 100.000.000              | 10,000       | 0011850012<br>81                                                                                                       |            |
|     |                       |                                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                       |                                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                       |                                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                       |                                                                                                                      | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                       |                                                                                                                      | Tổng số                            | 10.000        | 100.000.000              | 10,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                       |                                                                                                                      |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | NGUYỄN THỊ<br>NGỌC LY | Phòng 1120, Tòa<br>G3, Vinhomes<br>Greenbay,<br>Phường Mễ Trì,<br>Quận Nam Từ<br>Liêm, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 54.000        | 540.000.000              | 54,000       | 0371870021<br>24                                                                                                       |            |
|     |                       |                                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                       |                                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                       |                                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                       |                                                                                                                      | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                       |                                                                                                                      | Tổng số                            | 54.000        | 540.000.000              | 54,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                       |                                                                                                                      |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                |                                                                     |                           |        |             |        |              |
|---|----------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|--------------|
| 3 | TRẦN VĂN DƯỠNG | Thôn Nội Xá, Xã Vạn Thái, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 36.000 | 360.000.000 | 36,000 | 027089000136 |
|   |                |                                                                     | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                     | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                     | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                     | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                     | Tổng số                   | 36.000 | 360.000.000 | 36,000 |              |
|   |                |                                                                     |                           |        |             |        |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ NGỌC LY

Giới tính: Nữ

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 19/01/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 037187002124

Ngày cấp: 03/08/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư

Địa chỉ thường trú: Số 32 đường Trương Hán Siêu, Phường Nam Thành, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Phòng 1120, Tòa G3, Vinhomes Greenbay, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội